

LESSON 03 : BEFORE GOING TO AN APPOINTMENT

08. Point of View – Past Tense Q_A

English	Vietnamse
Mia was helping Ryan to get ready to go for an important appointment.	Mia đã giúp Ryan sửa soạn cho buổi hẹn quan trọng.
Was Mia helping Michael to get ready to go for an important appointment?	Mia đã giúp Michael sửa soạn cho buổi gặp mặt quan trọng à?
No. Mia wasn't helping Michael. Mia was helping Ryan to get ready to go for an important appointment.	Không. Mia đã không giúp Michael. Mia đã giúp Ryan sửa soạn cho buổi gặp mặt quan trọng.
Who was helping Ryan to get ready to go for an important appointment?	Ai đã giúp Ryan sửa soạn cho buổi hẹn quan trọng?
Mia. Mia was helping Ryan to get ready to go for an important appointment.	Mia. Mia đã giúp Ryan sửa soạn cho buổi hẹn quan trọng.
Did Mia help Ryan to get ready for the movies?	Mia đã giúp Ryan chuẩn bị cho buổi xem phim à?
No, Mia didn't help Ryan to get ready for the movies. Mia was helping Ryan to get ready to go for an important appointment.	Không, Mia đã không giúp Ryan chuẩn bị cho buổi xem phim. Mia đã giúp Ryan sửa soạn cho buổi hẹn quan trọng.
She told him to check himself.	Cô ấy đã nói anh hãy soát lại bản thân.
What did Mia tell Ryan to do?	Mia đã bảo Ryan làm gì?
Check himself. She told him to check himself. Mia told him to check himself.	Soát lại bản thân. Cô ấy đã nói anh hãy soát lại bản thân. Mia đã nói anh hãy soát lại bản thân.
Who told Ryan to check himself?	Ai đã nói với Ryan hãy soát lại bản thân?
Mia. Mia told Ryan to check himself. Mia told him to check himself.	Mia. Mia đã nói với Ryan hãy soát lại bản thân. Mia đã nói anh hãy soát lại bản thân.
Did Mia tell Ryan to take a note?	Mia đã nói Ryan viết ghi chú à?
No. Mia didn't tell Ryan to take a note. Mia told Ryan to check himself.	Không. Mia đã không bảo Ryan viết ghi chú. Mia đã nói Ryan hãy kiểm tra lại bản thân.
She told him to check himself very well from nails, nose, teeth, shoes and socks.	Cô ấy đã bảo anh soát lại bản thân thật kỹ từ móng tay, mũi, răng, giày đến tất.

What did Mia Tell Ryan to get ready for the appointment?	Mia đã bảo Ryan làm gì để sẵn sàng cho buổi hẹn?
Check himself very well from nails, nose, teeth, shoes and socks. Mia asked him to check himself very well. She asked Ryan to check himself very well.	Soát lại bản thân thật kỹ từ móng tay, mũi, răng, giày đến tất. Mia đã yêu cầu anh soát lại bản thân thật kỹ. Cô ấy đã bảo Ryan kiểm tra lại bản thân thật kỹ.
Did Mia tell Ryan to take a nap before the appointment?	Mia đã nói với Ryan chợp mắt trước buổi hẹn à?
No. Mia didn't tell Ryan to take a nap before the appointment. She asked him to check himself very well from nails, nose, teeth, shoes and socks.	Không. Mia đã không nói với Ryan chợp mắt trước buổi hẹn. Cô đã yêu cầu anh soát lại bản thân thật kỹ từ móng tay, mũi, răng, giày và tất.
How did Mia help Ryan to get ready for the appointment?	Mia đã giúp Ryan sửa soạn cho buổi hẹn như thế nào?
She asked him to check himself very well. Mia asked Ryan to check himself very well from nails, nose, teeth, shoes and socks.	Cô đã yêu cầu anh soát lại bản thân thật kỹ. Cô đã yêu cầu anh soát lại bản thân thật kỹ từ móng tay, mũi, răng, giày đến tất.
Ryan felt very confident.	Ryan đã cảm thấy rất tự tin.
How did Ryan feel?	Ryan đã cảm thấy như thế nào?
Very confident. He felt very confident. Ryan felt very confident.	Rất tự tin. Anh ấy đã cảm thấy rất tự tin. Ryan đã cảm thấy rất tự tin.
Did Ryan feel confident or sad?	Ryan đã cảm thấy tự tin hay buồn chán?
Confident. He didn't feel sad. Ryan felt confident.	Tự tin. Anh ấy đã không cảm thấy buồn chán. Ryan đã cảm thấy tự tin.
Who felt confident?	Ai đã cảm thấy tự tin?
Ryan. Ryan felt very confident. He felt very confident.	Ryan. Ryan đã cảm thấy rất tự tin. Anh ấy đã cảm thấy rất tự tin.
He didn't feel Mia needed to give him so much help.	Anh ấy đã thấy Mia không cần phải giúp mình quá nhiều.
Who didn't feel Mia needed to help?	Ai đã thấy Mia không cần phải giúp mình quá nhiều?
Ryan. Ryan didn't feel Mia needed to give him so much help. He didn't feel Mia needed to give him so much help.	Ryan. Ryan đã thấy Mia không cần phải giúp anh quá nhiều. Anh ấy đã thấy Mia không cần phải giúp anh quá nhiều.

Did Ryan feel he needed help?	Ryan đã cảm thấy anh cần được giúp đỡ à?
No. Ryan didn't feel he needed help. He didn't feel Mia needed to give him so much help.	Không. Ryan không thấy mình cần được giúp đỡ. Anh đã thấy Mia không cần giúp anh quá nhiều.
Did he feel Mia needed to give him so much help?	Anh đã thấy cần nhiều sự trợ giúp của Mia à?
No. He didn't feel Mia needed to give him so much help. Ryan didn't feel she needed to give him so much help.	Không. Anh đã thấy Mia không cần giúp anh quá nhiều. Ryan đã thấy cô không cần giúp anh quá nhiều.
Ryan answered he was all ready. He said he double – checked.	Ryan đã trả lời là anh rất sẵn sàng. Anh ấy nói anh ấy đã kiểm tra rất kỹ rồi.
Who answered that he was all ready?	Ai đã trả lời là mình rất sẵn sàng?
Ryan. Ryan answered that he was all ready. Ryan answered that he was all ready for the appointment. He said he double – checked.	Ryan. Ryan đã trả lời rằng anh rất sẵn sàng. Ryan đã trả lời là anh rất sẵn sàng cho buổi hẹn. Anh ấy nói anh ấy đã kiểm tra rất kỹ rồi.
How did Ryan answer?	Ryan đã trả lời như thế nào?
He answered he was all ready. He answered he was all ready for the appointment.	Anh đã trả lời rằng anh rất sẵn sàng. Anh đã trả lời anh rất sẵn sàng cho buổi hẹn.
Did Ryan tell Mia he was still preparing for the appointment?	Ryan đã nói với Mia là anh vẫn đang sửa soạn cho buổi hẹn à?
No. He didn't tell Mia that he was still preparing for the appointment. Ryan answered he was all ready. He said he double – checked.	Không. Anh không nói với Mia là anh vẫn đang sửa soạn cho buổi phỏng vấn. Ryan đã đáp anh rất sẵn sàng. Anh ấy nói anh ấy đã kiểm tra rất kỹ rồi.
Mia asked Ryan several questions to be sure he looked good for the appointment.	Mia đã hỏi Ryan vài câu hỏi để đảm bảo anh trông ổn trong buổi hẹn.
Did Mia ask Ryan several questions to be sure he looked good for the appointment?	Mia đã hỏi Ryan vài câu hỏi để đảm bảo trông anh ổn trong buổi hẹn à?
Yes. Mia asked Ryan several questions to be sure he looked good for the appointment.	Đúng. Mia đã hỏi Ryan vài câu hỏi để đảm bảo anh trông ổn trong buổi hẹn.
Why did Mia ask Ryan several questions?	Tại sao Mia lại hỏi Ryan vài câu hỏi?
Because she wanted him to be sure he looked good for the appointment. Mia asked Ryan several questions to be sure he looked good for the appointment.	Bởi cô muốn anh trông thật ổn trong buổi hẹn. Mia đã hỏi Ryan vài câu hỏi để đảm bảo anh trông thật ổn cho buổi hẹn.

Did Mia want Ryan to look good for the appointment?	Mia đã muốn Ryan trông thật ổn trong buổi hẹn à?
Yes. Mia asked Ryan several questions to be sure he looked good for the appointment.	Đúng. Mia đã hỏi Ryan vài câu hỏi để đảm bảo trông anh ổn trong buổi hẹn.
Mia found one very big mistake that Ryan had made in preparing for the appointment.	Mia đã tìm ra một lỗi lớn mà Ryan mắc phải trong việc sửa soạn cho buổi hẹn.
What did Mia find with Ryan?	Mia đã tìm thấy gì ở Ryan?
A very big mistake. A very big mistake that Ryan had made in preparing for the appointment. Mia found one very big mistake Ryan had made in preparing for the appointment.	Một lỗi lớn. Một lỗi lớn mà Ryan mắc phải trong việc sửa soạn cho buổi hẹn. Mia đã tìm ra một lỗi lớn mà Ryan mắc phải trong việc sửa soạn cho buổi hẹn.
Who found one very big mistake that Ryan had made in preparing for his appointment?	Ai đã tìm thấy một lỗi lớn mà Ryan mắc phải trong việc sửa soạn cho buổi hẹn?
Mia. Mia found one very big mistake Ryan had made in preparing for the appointment.	Mia. Mia đã tìm ra một lỗi lớn mà Ryan mắc phải trong việc sửa soạn cho buổi hẹn.
Did Ryan find one very big mistake he had made in preparing for his appointment?	Ryan đã tìm ra lỗi lớn mà anh mắc phải trong việc sửa soạn cho buổi hẹn đúng không?
No. Ryan didn't find any big mistakes. Mia found one very big mistake Ryan had made in preparing for the appointment.	Không. Ryan đã không tìm thấy bất cứ lỗi lớn nào. Mia đã tìm ra một lỗi lớn mà Ryan mắc phải trong việc sửa soạn cho buổi hẹn.
Ryan's socks didn't match.	Đôi tất của Ryan không đồng bộ.
Did Ryan's socks match?	Đôi tất của Ryan đã đồng bộ chưa?
No. They didn't match. Ryan's socks didn't match.	Không. Chúng không đồng bộ. Đôi tất của Ryan không đồng bộ.
Whose socks didn't match?	Đôi tất của ai không đồng bộ?
Ryan's. Ryan's socks didn't match.	Của Ryan. Đôi tất của Ryan đã không đồng bộ.
What didn't match?	Cái gì đã không đồng bộ?
Ryan's socks. Ryan's socks didn't match.	Đôi tất của Ryan. Đôi tất của Ryan đã không đồng bộ.
Ryan finally realized he had made some big mistakes.	Ryan cuối cùng đã nhận ra anh ấy mắc sai lầm lớn.
Had Ryan made small mistakes?	Ryan đã tạo ra sai lầm nhỏ đúng không?

No. Ryan hadn't made small mistakes. He had made big, big mistakes.

What did Ryan realize?

Ryan realized that he had made a big mistake. He finally realized he had made a big mistake.

Who finally realized he has made a big mistake?

Ryan. Ryan finally realized he had made a big mistake.

He wasn't as ready as he thought.

Was Ryan as ready as he thought?

No. Ryan wasn't as ready as he thought. He wasn't as ready as he thought.

Who wasn't as ready as he thought?

Ryan. Ryan wasn't as ready as he thought. He wasn't as ready as he thought.

Was Ryan ready?

No. Ryan wasn't as ready as he thought. He wasn't as ready as he thought.

No. Ryan không tạo ra sai lầm nhỏ. Ryan đã tạo ra lỗi lớn, rất lớn.

Ryan đã nhận ra điều gì?

Ryan đã nhận ra là anh đã mắc sai lầm lớn. Anh cuối cùng đã nhận ra anh mắc sai lầm lớn.

Ai cuối cùng cũng đã nhận ra rằng bản thân đã mắc sai lầm lớn?

Ryan. Ryan đã nhận ra rằng bản thân đã mắc lỗi lớn.

Anh đã không sẵn sàng như anh nghĩ.

Ryan đã sẵn sàng như anh nghĩ à?

Không. Ryan đã không sẵn sàng như anh nghĩ. Anh đã không sẵn sàng như anh nghĩ.

Ai đã không sẵn sàng như người đó nghĩ?

Ryan. Ryan đã không sẵn sàng như anh ấy nghĩ. Anh ấy đã không sẵn sàng như anh ấy nghĩ.

Ryan đã sẵn sàng đúng không?

Không. Ryan đã không sẵn sàng như anh ấy nghĩ. Anh ấy đã không sẵn sàng như anh ấy nghĩ.